

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ NHÌN TỪ GÓC ĐỘ ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

(Bài viết tham dự hội thảo về Khoa học - Công nghệ do Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức, Tháng 7/2012)

1. Xây dựng chiến lược phát triển KH-CN dựa trên chiến lược vĩ mô về Kinh tế - Xã hội và An ninh - Quốc phòng

Khoa học - Công nghệ (KH-CN) có thể được xem xét dưới hai góc độ là KH-CN dân dụng và KH-CN phục vụ những nhu cầu an ninh quốc phòng hoặc có tính chất mũi nhọn chiến lược. KH-CN dân dụng là sản phẩm của thị trường, sự phát triển của nó gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế, do đó nó lệ thuộc vào chiến lược vĩ mô về kinh tế-xã hội. Còn đối với KH-CN mũi nhọn, phục vụ nhu cầu an ninh quốc phòng thì sự phát triển của nó phụ thuộc vào chiến lược an ninh-quốc phòng.

Nhìn một cách tổng thể, việc xây dựng đường lối phát triển KH-CN lệ thuộc vào ba hệ thống quan điểm chiến lược:

- Quan điểm về chiến lược an ninh quốc phòng;
- Quan điểm về chiến lược ổn định kinh tế vĩ mô;

Quan điểm về chính sách giáo dục.

Cả ba yếu tố này đều phụ thuộc vào ý chí chính trị của Đảng, bởi nó là kết quả của đường lối chính trị, đường lối kinh tế và đường lối xây dựng lực lượng của Đảng. Để hiện thực hoá những đường lối này, Đảng cần có sự chỉ dẫn chính trị rõ ràng đối với từng vấn đề chiến lược nêu trên.

Trong phạm vi bài tham luận này tôi không có tham vọng phân tích một cách toàn diện về tất cả các vấn đề chiến lược liên

quan đến phát triển KH-CN, chỉ xin nêu một số vấn đề căn bản từ góc độ chiến lược ổn định kinh tế vĩ mô.

2. Sự mất cân đối trong các khu vực kinh tế làm cản trở nhu cầu phát triển KH-CN

Với những nước đang phát triển như Việt Nam thì nhu cầu về KH-CN là khá lớn. Tuy nhiên vấn đề đặt ra là năng lực tiếp nhận và triển khai của nền kinh tế có đủ để đáp ứng hay không. Một khi kinh tế vĩ mô còn có sự mất cân đối thì nền kinh tế của chúng ta chưa đủ năng lực để tiếp nhận và triển khai KH-CN một cách có hiệu quả. Theo những nghiên cứu của tôi, hiện nay nền kinh tế của chúng ta đang có một số sự mất cân đối như sau:

a - Sự mất cân đối giữa nền kinh tế nội địa và kinh tế phát triển (kinh tế đối ngoại) tạo ra một thị trường nội địa kém phát triển

Quan sát hiện tượng khủng hoảng kinh tế thế giới vừa rồi có thể thấy một vấn đề hết sức căn bản được đặt ra là trong khi hội nhập, các nền kinh tế vẫn phải giữ địa vị độc lập của nó. Bản chất của quá trình toàn cầu hoá kinh tế có cả việc chúng ta khẳng định mình ở các thị trường thế giới lẫn việc khẳng định mình ở thị trường trong nước. Chúng ta phải chia nền kinh tế ra làm hai bộ phận sao cho khủng hoảng chỉ ảnh hưởng đến các yếu tố tiên phong, các yếu tố ra trận của nền kinh tế thôi. Vì vậy, xây dựng nền kinh tế Việt Nam phải là kết quả của việc xây dựng hai nền kinh tế mà thực chất là hai bộ phận của nền kinh tế quốc dân. Tôi tạm gọi là kinh tế nội địa và kinh tế phát triển (cũng có thể gọi là kinh tế đối ngoại). Nền kinh tế phát triển là nền kinh tế tham gia vào quá trình toàn cầu hoá, còn nền kinh tế nội địa là nền kinh tế giúp chúng ta tồn tại cho dù bão tố ở bên ngoài diễn ra như thế

nào. Càng toàn cầu hoá bao nhiêu thì yêu cầu phải củng cố nền kinh tế nội địa càng lớn bấy nhiêu, bởi vì nếu tỷ trọng của nó không đủ nặng thì quá trình toàn cầu hoá sẽ hút tuột nền kinh tế của chúng ta, làm chúng ta biến mất trong vòng xoáy của kinh tế toàn cầu. Hiện tượng khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008 vừa rồi chính là hiện tượng các nền kinh tế bị hút, bị nhổ rễ ra khỏi lợi ích của những con người cư trú trong các vùng lãnh thổ.

Đáng tiếc là hiện nay chúng ta chưa có một thái độ đúng đắn đối với kinh tế nội địa. Chúng ta vẫn đang cắt xén những nguồn lực cần thiết cho việc xây dựng kinh tế nội địa để bù đắp cho kinh tế phát triển. Toàn bộ sự chú ý xã hội và chú ý chính trị của chúng ta là tập trung vào xây dựng địa vị của kinh tế Việt Nam trên trường quốc tế mà quên mất rằng địa vị của kinh tế Việt Nam với chính người dân của nó quan trọng hơn nhiều. Các tập đoàn kinh tế của chúng ta hiện nay đang chiếm khoảng 70-80% lượng tín dụng phát triển, Rót vào một khu vực kinh tế một lượng tín dụng lớn như vậy với hiệu quả đầu tư rất thấp, được phản ánh bằng chỉ số ICOR tới 6-7 thì đây không phải là phát triển. Chính sự mất cân đối như vậy tạo ra nhiều bất ổn xã hội và chắc chắn nó còn tạo ra những bất ổn xã hội lớn hơn nữa trong tương lai, nếu nó không được chấm dứt một cách có ý thức trên quy mô hệ thống chính trị.

Nhìn vào thực tế, chúng ta có thể thấy rất rõ rằng, các lực lượng của nền kinh tế nội địa là khu vực vừa và nhỏ, khu vực tư nhân không đủ tiềm năng cũng như quan hệ để có thể vận động chính trị cho các quyền ưu tiên của mình. Trong khi đó, lực lượng chủ yếu của nền kinh tế phát triển là các tập đoàn lại có đầy đủ cả tiềm năng, cả quan hệ lẫn sự ưu tiên chính trị để có thể hiện thực hoá các quyền ưu tiên của mình. Điều đó tạo ra một cuộc cạnh tranh rất không lành mạnh. Nó không phải là cuộc cạnh tranh giữa

các công ty theo luật cạnh tranh thông thường, mà là sự cạnh tranh chính trị giữa các khu vực kinh tế khác nhau của một nền kinh tế, và trong khi cạnh tranh, các khu vực kinh tế đã tự triệt tiêu sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế Việt Nam. Nếu nhà nước không nhận ra ảnh hưởng của sự mất cân đối ấy đến toàn bộ cấu trúc chính trị - xã hội thì không có ai có thể khắc phục được. Chính việc xác lập tỉ lệ hợp lý của hai nền kinh tế tạo ra bản chất nhân văn của khái niệm điều hành vĩ mô. Nếu không làm được điều này thì cho dù là nền kinh tế khổng lồ như Trung Quốc hay nền kinh tế trung bình như chúng ta đều có vấn đề.

Để ý đến tăng trưởng quá nhiều, để ý đến địa vị quốc tế của nền kinh tế Việt Nam quá nhiều thì chúng ta không thể yên ổn được. Nhìn sang Nhật Bản, có thể thấy nền kinh tế Nhật Bản bắt đầu khủng hoảng từ những năm 1991 trở đi, khi cuộc chiến tranh Vùng Vịnh lần thứ nhất xảy ra. Cuộc khủng hoảng ấy kéo dài tới gần 20 năm nhưng xã hội Nhật Bản vẫn yên ổn, bởi vì thái độ của họ đối với kinh tế nội địa là khá chính xác. Họ đã tạo ra được những tích lũy trong nhân dân đủ dầy để người dân không bị đẩy đến tình trạng đói kém, thiếu thốn, cùng quẫn, và do đó người dân có thể chịu đựng được các cơn khủng hoảng, kể cả khủng hoảng kinh tế quốc tế.

Sự mất cân đối hiện nay của nền kinh tế dẫn đến hậu quả là thị trường nội địa của chúng ta không có điều kiện để phát triển. Thị trường nội địa kém phát triển thì nó sẽ không xác lập được nhu cầu về KH-CN và cũng không đủ năng lực tiếp nhận và triển khai KH-CN. Đây là một vấn đề lớn cần giải quyết trong chiến lược ổn định kinh tế vĩ mô.

b - Sự mất cân đối trong mục tiêu phát triển công nghiệp và nông nghiệp

Hiện nay chúng ta không quy hoạch rõ ràng về những ngành công nghiệp mà nền kinh tế của chúng ta cần từ phía nhà nước, từ phía chính quyền địa phương. Mặc dù chúng ta có rất nhiều dự án nhưng không hình thành được các ngành công nghiệp một cách rõ ràng. Đôi khi chúng ta cần số liệu thống kê, để thi đua chứ chưa phân tích một cách đầy đủ các ngành công nghiệp mà chúng ta khuyến khích được hình thành, phát triển thuận lợi hoặc khó khăn như thế nào. Tức là chúng ta chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng, tổ chức và kiến thiết các nền công nghiệp cụ thể. Chính vì vậy, cho đến nay, chúng ta chưa có nền công nghiệp căn bản. Thực tế này ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu phát triển mà Đảng ta luôn luôn xem là quan trọng, đấy là biến Việt Nam thành một nước công nghiệp hoá.

Trên thực tế chúng ta cũng có những quy hoạch, phát triển rất nhiều ngành công nghiệp. Ví dụ, thép, xi măng, sản xuất ô tô v.v. Nhưng chúng ta không kiên quyết và không đi đến cùng. Chúng ta có quy hoạch, nhưng quy hoạch ấy được thực thi một cách không có kỷ luật, không triệt để và với một hệ thống chính sách không rõ ràng. Chúng ta chưa biết rõ cái chúng ta muốn có. Chúng ta chỉ muốn có số lượng đầu tư xét về mặt tiền vốn chứ chưa có các chỉ tiêu công nghiệp để khuyến khích, để kêu gọi và để ưu tiên, cho nên chúng ta chỉ ưu đãi đầu tư trên một số chỉ tiêu hết sức chung chung và quan liêu. Cần phải tái xác lập một qui hoạch phát triển các ngành công nghiệp một cách chuyên nghiệp, trên cơ sở đó mới có thể xây dựng được chính sách phát triển KH-CN.

Giữa phát triển công nghiệp và nông nghiệp cũng có sự mất cân đối. Nước ta là một nước nông nghiệp, 70 - 80% dân số của chúng ta là nông dân. Việc lấy đất của khu vực nông nghiệp, thậm chí lấy đất cư trú ở những khu vực cận công nghiệp một cách tràn

lan, tạo ra một sự mất cân đối kinh tế và hệ quả tiếp theo là mất cân đối xã hội. Phải nói thẳng rằng mất cân đối xã hội trong những khu vực này có thể có nguy cơ tạo ra mất cân đối chính trị. Đây là nguy cơ có thật và nó đang diễn ra hàng ngày trong đời sống của chúng ta. Chúng ta chưa kịp có chính sách, chưa kịp có kinh nghiệm để giải quyết hậu quả của quá trình phát triển công nghiệp, cho nên chúng ta cần phải rất thận trọng. Trong lĩnh vực này, nhất thiết phải có sự cân bằng lại. Việc phát triển các dự án công nghiệp cần phải được sắp xếp lại trong một trật tự cân đối với nông nghiệp. Chính sách phát triển KHCN cũng phải dựa trên cơ sở của sự cân đối này để phục vụ nhu cầu hiện đại hoá cả công nghiệp lẫn nông nghiệp và nông thôn.

c - Sự mất cân đối về nguồn lực con người

Chúng ta có một lực lượng lao động nói chung còn rất nhiều vấn đề như trình độ thấp, kỹ thuật lao động thấp và một chế độ quản lý người lao động rất lỏng lẻo. Những quy chế để đảm bảo lợi ích, đảm bảo quyền lợi lâu dài cho người lao động và những quy chế đảm bảo an toàn cho người lao động và người sử dụng lao động v.. đều được qui định một cách rất đơn giản trong nhiều luật liên quan. Đối với một nền kinh tế đang phát triển như của chúng ta thì đầu tư nước ngoài là một nguồn lực rất quan trọng. Trong quá trình kêu gọi đầu tư, chúng ta vẫn nói cần phải kêu gọi nâng cao thể hệ công nghệ đi theo các quá trình đầu tư ấy, nhưng chúng ta lại quên mất rằng thể hệ công nghệ cao hơn đòi hỏi một nguồn nhân lực tốt hơn. Với một nền giáo dục và đào tạo như hiện nay, với một lực lượng lao động mà xã hội chúng ta có như hiện nay thì chưa thể nâng cao thể hệ công nghệ được. Chúng ta không thể đặt điều kiện cho các nhà đầu tư mà phải đặt điều kiện cho mình, phải chuẩn bị các lực lượng cho mình. Chúng ta phải ý thức rất rõ rằng ít nhất là một nửa

công tác chuẩn bị để có được một thể hệ công nghệ tốt hơn từ đầu tư nước ngoài thuộc về trách nhiệm của chúng ta. Cho nên, vấn đề đặt ra là chúng ta phải chuẩn bị nguồn lực con người có đủ năng lực phục vụ cho quá trình phát triển KH-CN. Muốn làm được việc đó, dứt khoát chúng ta phải tiến hành cải cách giáo dục.

3. Xác lập lại sự cân đối vĩ mô cho không gian kinh tế Việt Nam, từ đó mới hoạch định được chiến lược phát triển KH-CN

Hiện nay sự chú ý của các nhà hoạch định chính sách của chúng ta, sự chú ý của Nhà nước chúng ta đến yêu cầu cân đối là chưa rõ ràng. Tính cân đối luôn là đòi hỏi khách quan của đời sống phát triển. Cần thiết phải thấy rằng chúng ta phải cân đối vĩ mô nền kinh tế rồi từ đó mới xây dựng được chiến lược phát triển KH-CN. Đấy không phải là công việc của các chính quyền địa phương mà dứt khoát phải là công việc của chính quyền trung ương.

a - Cân đối giữa nền kinh tế nội địa và nền kinh tế phát triển

Nếu không xây dựng, không phát triển được thị trường trong nước thì sự nghiệp phát triển kinh tế của chúng ta sắp tới sẽ không có nhiều tương lai và do đó cũng không có tương lai cho phát triển KH-CN. Nền kinh tế nội địa chính là nền kinh tế có chất lượng bảo hiểm đời sống xã hội, là nền kinh tế tối thiểu cần phải có, hay là bộ phận độc lập với các hiện tượng quốc tế cần phải có của mỗi một quốc gia.

Có người cho rằng cần phải đầu tư, cần phải phát triển khu vực kinh tế vừa và nhỏ, có người lại nói phải đầu tư vào các công ty lớn, phải có các tập đoàn kinh tế lớn thì mới đủ sức cạnh tranh. Chúng ta đã mất rất nhiều thời gian và công sức cho những cuộc tranh cãi như thế. Tôi cho rằng những tranh cãi như vậy là không cần thiết bởi vì cả hai yếu tố ấy đều rất cần cho quá trình phát triển

toàn bộ nền kinh tế của chúng ta. Nếu không xây dựng được cơ sở xã hội của nền kinh tế nội địa thì không có ổn định chính trị. Khu vực vừa và nhỏ và khu vực tư nhân thuộc về nền kinh tế nội địa, nó phải được chăm sóc kỹ lưỡng hơn bởi một đảng chính trị có tiêu chuẩn chính trị như Đảng Cộng sản Việt Nam, đại diện của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động. Chăm sóc nhân dân lao động chính là việc củng cố nền kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế vừa và nhỏ. Còn để phát triển Việt nam thành một quốc gia tiên tiến, có những lực lượng có năng lực cạnh tranh toàn cầu thì cần phải xây dựng các tập đoàn, các công ty lớn.

Vấn đề quan trọng là phải có sự cân đối, mà trước hết là cân đối sự chú ý chính trị đến hai khu vực này. Từ việc xác lập tỉ lệ hợp lý của hai bộ phận kinh tế, chúng ta sẽ thấy rất nhiều vấn đề đặt ra, chẳng hạn như: phải cân đối tài nguyên như thế nào, phân bổ tín dụng như thế nào, phân bổ giáo dục đào tạo như thế nào, có chính sách phát triển KH-CN như thế nào để đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế vv. Xây dựng nền kinh tế nội địa, thị trường nội địa là một công việc cần thiết, cái đó vốn được đảm nhiệm bởi những dự án hay những đầu tư thông thường. Tuy nhiên, với xu thế kinh tế thế giới càng ngày càng biến động theo những chu kỳ ngắn hơn thì chúng ta phải nâng cấp sự đầu tư để có được một nền kinh tế nội địa vững vàng. Cụ thể là chúng ta cần phải có những đầu tư cao cấp hơn để có thể kiến thiết, có thể đặt nền móng cho những ngành công nghiệp tiêu dùng với một thể hệ công nghệ cao hơn, với một chất lượng hàng hóa tốt hơn. Để đón lõng sự phát triển của chất lượng tiêu dùng cho một thị trường có 100 triệu dân như thế này, chúng ta cần phải khuyến khích những dự án sử dụng những thể hệ công nghệ tốt hơn. Bên cạnh đó, cũng phải chú ý đến các ngành công nghiệp mũi nhọn, những ngành công nghiệp đảm bảo không chỉ an sinh xã hội, mà cả an ninh công nghiệp, an ninh

môi trường. Trong quản lý KH-CN cần lưu ý là không phân công những ngành công nghiệp mũi nhọn về cho địa phương quản lý. Những ngành đó phải nằm trực tiếp, được chú ý, được quản trị, được chăm sóc và được hình thành các quyết định ưu đãi bằng đánh giá của mức cao nhất của hệ thống chính trị, trong đó người thường trực là Thủ tướng hính phủ.

Tùy từng mức độ chất lượng của sự phát triển mà chính sách ưu đãi là khác nhau trong những tầng khác nhau. Như tôi đã phân tích là có hai tầng. Tầng chiến lược là tầng những ngành công nghiệp mũi nhọn quy định tốc độ, quy định sự an toàn phát triển, quy định mức độ hiện đại của an ninh-quốc phòng, những việc đó chắc chắn thuộc sự quản lý của Thủ tướng chính phủ và bên trên Thủ tướng Chính phủ là Ban Chấp hành Trung ương hay Bộ Chính trị. Thí dụ, việc xây dựng hệ thống điện hạt nhân thì không thể ủy thác cho địa phương quyết định được.

Tầng thứ hai là xây dựng những ngành công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thông thường. Các ngành công nghiệp ấy ít nhất phải thỏa mãn điều kiện chất lượng không lạc hậu hơn so với khu vực. Khi lựa chọn vĩ mô nói chung thì chúng ta có thể hoạch định một tiêu chuẩn chung, nhưng đối với từng ngành thì chúng ta phải làm rất kỹ. Trong cơ cấu các cơ quan của Nhà nước chúng ta có hội đồng chính sách khoa học và công nghệ, đó phải là cơ quan tham mưu đầu tiên và số một cho Thủ tướng Chính phủ về việc lựa chọn các thể hệ công nghệ trên từng loại hình công nghiệp để có thể lấp đầy một nền kinh tế mà tính phối hợp giữa các bộ phận của nó tạo thuận lợi cho phát triển.

b - Cân đối giữa chiến lược phát triển kinh tế tổng thể với chiến lược phát triển các nền kinh tế có tính chất khu vực

Nếu để ý thì chúng ta sẽ thấy bản thân trực phát triển của kinh tế Việt Nam đã có sự thay đổi. Từ trước đến nay hệ thống chính trị của chúng ta vẫn chỉ đạo phát triển theo trục từ trung ương đến địa phương. Bây giờ, sau khi phân cấp và tận dụng cơ hội của phân cấp thì các tỉnh đã bắt đầu đã có những khu vực kinh tế độc lập của mình. Những đô thị, những thành phố, những khu công nghiệp được hình thành ven biển và chạy suốt từ biển vào. Bản thân nền kinh tế đã chuyển đổi từ một nền kinh tế tập trung hoặc chỉ đạo một cách tập trung trở thành một nền kinh tế có tính chất khu vực. Mỗi một địa phương không chỉ là một vùng kinh tế mà còn là một vùng chính trị. Các địa phương phải cạnh tranh với nhau và phải dựa vào quy luật cạnh tranh để tạo ra sự phát triển. Nếu như chúng ta đưa ra các tiêu chuẩn, đòi hỏi để các địa phương thi nhau làm cùng một việc, thì đương nhiên sẽ nhiều đối tượng đầu tư thừa. Nhiều đối tượng đầu tư thừa sẽ dẫn đến tình trạng xé lẻ, vay nợ lớn, làm phình đầu tư công và phình nợ công.

Chính vì chúng ta chưa thiết kế được, chưa quy hoạch được, chưa có những gợi ý thỏa đáng để có thể chuyển đổi cơ cấu kinh tế của các địa phương cho nên làm nảy sinh một loạt vấn đề. Vấn đề sân golf chẳng hạn, nó nằm trong sự cân đối giữa phát triển nông nghiệp với các ngành kinh tế khác. Có lẽ kinh tế nông nghiệp của chúng ta trì trệ, đất đai không đẻ ra các lợi ích thỏa đáng và không đẻ ra các lợi ích có chỉ số lợi nhuận cao, cho nên hầu hết các địa phương đi tìm lối thoát cho nền kinh tế của mình bằng các dự án sân golf. Rất nhiều người cho rằng sân golf là chỗ ăn chơi, nhưng tôi không nghĩ rằng mọi quan chức của chúng ta từ trung ương đến địa phương đều nghĩ như thế. Nó có thể được nhìn nhận như một lối thoát của các địa phương để phát triển kinh tế vùng. Để giải quyết vấn đề mất cân đối này thì trước hết chúng ta phải thúc đẩy sự phát triển kinh tế nông nghiệp và liên quan đến nông nghiệp

như làng nghề chẳng hạn. Làm thế nào để nông thôn của chúng ta có được một giải pháp phát triển kinh tế thỏa mãn hơn, đỡ mất cân đối với các khuynh hướng kinh tế khác. Trong vấn đề này KH-CN đóng một vai trò khá quan trọng, hỗ trợ, nâng đỡ cho kinh tế nông nghiệp phát triển.

Đây là một biến động rất lớn về phương diện phát triển. Nhưng chính sách của chúng ta dường như chưa nhận ra điều ấy. Trong khi cân đối vĩ mô, chúng ta phải lưu ý những diễn biến khách quan của cuộc sống và phải theo sát những diễn biến ấy để hỗ trợ và chỉ đạo chứ không phải bắt nó theo ý mình. Nếu không nắm được diễn biến tự nhiên của sự phát triển kinh tế vùng để khuyến khích, để hình thành các chính sách cụ thể thì đây là lỗi của quản lý nhà nước.

Chúng ta phải nhìn thấy sự cân đối rất quan trọng trong việc tạo ra một thiết kế chuẩn đối với các vùng kinh tế của Việt nam, hay là một quy hoạch phát triển kinh tế đầy đủ và toàn diện. Sân Golf là một loại đầu tư, cảng biển là một loại đầu tư, khu kinh tế cửa khẩu là một loại đầu tư, khu kinh tế biển cũng là một loại đầu tư... Tất cả các đối tượng đầu tư ấy phải nằm trong một quy hoạch đầu tư chuẩn, cái đấy chính là hạt nhân, là nền tảng của sự ổn định vĩ mô của một nền kinh tế. Từ sự ổn định vĩ mô ấy chúng ta mới có được một cách nhìn cân đối về các giải pháp phát triển KH-CN.

Xác lập lại sự cân đối của một tổng phổ kinh tế để biến nó trở thành ý chí chính trị của tất cả các nhánh quyền lực của chúng ta là công việc quan trọng. Cơ quan chịu trách nhiệm chính để đưa ra quy hoạch xác lập một sự cân đối làm nền tảng cho sự cân đối vĩ mô chính là Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Còn cơ quan đưa ra quy hoạch xác lập chiến lược KH-CN là Bộ Khoa học và Công nghệ. Hai cơ quan tham mưu này có nhiệm vụ xác lập một sự cân đối

thuyết phục để nó trở thành ý chí của Chính phủ, ý chí của Quốc hội. Tất cả các nhánh quyền lực cần phải lãnh đạo sự chuẩn bị ấy, để nó trở thành một phương tiện phản ánh sự thống nhất chính trị trong cả nước.

4- Phát triển KH-CN phải gắn liền với cuộc cải cách giáo dục. Để xây dựng được một đội ngũ trí thức và người lao động phục vụ cho phát triển KH-CN thì chúng ta buộc phải thông qua các cơ sở giáo dục và đào tạo. Nền giáo dục và đào tạo lạc hậu hiện nay đang trở thành một yếu tố cản trở quá trình này. Hệ thống giáo dục của chúng ta chưa quan tâm một cách thoả đáng đến đòi hỏi của xã hội, của đời sống. Phương pháp luận giáo dục, hệ thống chương trình giáo dục vẫn dựa trên khái niệm cũ, tư duy cũ, dẫn đến sự suy thoái trong phương pháp luận giáo dục so với thực tiễn và chất lượng thấp của sản phẩm đầu ra của giáo dục. Thực tế này đang đòi hỏi phải có một cuộc cải cách giáo dục lớn.

Về mặt nội dung, giáo dục đào tạo nói chung cần phải được cải cách theo hướng tư duy mở, nghĩa là hệ thống giáo dục đào tạo phải đổi mới về mặt mục tiêu là giáo dục cái mà thị trường cần. Giáo dục phải là phương tiện cơ bản và ban đầu nhằm trang bị cho con người những kiến thức đủ để tham gia, và quan trọng hơn là để thích ứng với sự thay đổi thường xuyên của cuộc sống. Trong thời đại phát triển như vũ bão hiện nay, các kỹ năng bị lạc hậu rất nhanh, do đó, việc trang bị những kỹ năng hoàn chỉnh ngay tại nhà trường là việc làm vô ích và lãng phí. Chính vì vậy, giáo dục đào tạo chỉ cần trang bị tư duy nhận thức và phương pháp luận cho người lao động để họ có thể tự hoàn thiện và phát triển các kỹ năng trong thực tiễn.

Về lĩnh vực KH-CN nói riêng, hiện nay chúng ta đang có một đội ngũ nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, đây là một

bộ phận nhân lực khá quan trọng đối với sự nghiệp phát triển KH-CN. Đội ngũ này chưa được chú ý lắm trong chính sách phát triển KH-CN. Trên thực tế, nếu xét về phương diện giảng dạy thì họ có thể là những người chuyên nghiệp vì họ biết nhiều, đọc nhiều, nhưng xét về mặt hoạt động khoa học thì rất ít người có thành tựu. Điều đó quy định chất lượng thấp về mặt khoa học của giới nghiên cứu trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Lỗi này là tại nhà nước một phần. Lỗi thứ nhất là chúng ta phân loại ra hệ thống giảng viên và hệ thống nghiên cứu, các viện nằm ngoài nhà trường. Đôi khi có những ông thầy có chất lượng khoa học thật, có ham muốn làm khoa học thật, nhưng không có điều kiện để làm trong trường của mình nên họ phải cộng tác với các viện nghiên cứu bên ngoài. Lỗi thứ hai là nhà nước cấp một lượng kinh phí rất thấp cho các giảng viên đại học để nghiên cứu khoa học, do đó họ không có đủ năng lực tài chính để nghiên cứu, mà chúng ta đều biết là nghiên cứu khoa học tiêu tiền khá tốn. Chính cái mâu thuẫn ấy, chính cái sai về phương diện chính sách đã tạo ra một quá trình phản biện rất gay gắt và nó tạo ra khuynh hướng đưa các viện nghiên cứu về các trường đại học.

Tôi nghĩ khuynh hướng này là đúng, bởi nếu không nghiên cứu khoa học thì làm sao các giảng viên có tư duy độc lập được. Không có tư duy độc lập thì họ chỉ đọc lại cho sinh viên những bài học mà họ đã đọc trước đó thôi và đây là một quá trình truyền bá kiến thức chết. Còn khi kiến thức đã đưa vào các công trình nghiên cứu, đưa vào đời sống sống động của tư duy khoa học thì nó phát huy tác dụng tốt hơn nhiều. Sinh viên nhờ quá trình này có thể trở thành một sản phẩm khác, sản phẩm đồng minh tương lai của các nhà khoa học. Tất nhiên, không phải là tất cả sinh viên, cũng không phải mọi trường đại học. Có những trường đại học cấp cao có những sinh viên tốt, những người không trở thành kẻ cùng với

thầy sùng bái những quyển giáo trình, mà trở thành đồng minh của thầy trong suốt quá trình tư duy khoa học.

Cải cách giáo dục hiện đang diễn ra quyết liệt không chỉ ở các nước có nền giáo dục kém phát triển mà còn ở các nước mà nền giáo dục đã đạt đến những trình độ phát triển và các nước này cũng nhận ra nhu cầu phải có nguồn nhân lực có chất lượng ngày càng cao, là chất xúc tác cho sự phát triển và tiến bộ hơn nữa. Tôi luôn luôn cho rằng, cải cách giáo dục là nhiệm vụ của hệ thống chính trị, thậm chí là của toàn xã hội chứ không chỉ là nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Càng tham gia sâu vào quá trình hội nhập, chúng ta càng thấy rằng cải cách giáo dục về thực chất là cải cách xã hội. Phải làm cho xã hội thức tỉnh về các mục tiêu về con người, rồi từ đó cổ vũ về mặt tinh thần, cung ứng về mặt vật chất và kiểm soát về mặt pháp luật đối với nền giáo dục.

Tôi nghĩ rằng, trong khi người Việt Nam chưa đủ điều kiện để tạo ra nền giáo dục tiên tiến thì chúng ta phải kêu gọi đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. Toàn bộ tiến trình đang phát triển của các nước lạc hậu chính là quá trình chuyển giao công nghệ từ phương Tây sang phương Đông. Chúng ta nhận chuyển giao công nghệ mà không để ý đến việc khuyến khích một quá trình cao nhất của chuyển giao công nghệ là chuyển giao công nghệ giáo dục và đào tạo. Sự xâm nhập của nền giáo dục quốc tế đến Việt Nam chính là lối thoát của sự phát triển giáo dục, nhất là giáo dục đại học. Trong quá trình này sẽ có sự tham gia của cả bộ phận ưu tú nhất của những người Việt Nam ở nước ngoài về dạy trong các trường đại học có đầu tư nước ngoài. Chúng ta sẽ thấy rằng những yếu tố tưởng như không có được bằng cách thức khác thì bằng cách huy động sự xâm nhập của nền giáo dục quốc tế vào Việt Nam, chúng sẽ xuất hiện và giải quyết nhiều vấn đề.

5 - Một số vấn đề về khuyến khích và quản lý KH-CN trong bối cảnh hội nhập

Có thể tạm chia các đối tượng KC-CN làm hai loại: KC-CN do người Việt Nam sáng tạo và KC-CN ngoại nhập. Đối với mỗi loại phải có những chính sách thích hợp. Đối với KH-CN do người Việt Nam sáng tạo cần phải có hệ thống pháp luật bảo hộ một cách đầy đủ và các chính sách khuyến khích đi kèm. Còn đối với KH-CN ngoại nhập thì cũng phải có chính sách quản lý với những tiêu chuẩn rõ ràng.

Toàn cầu hoá là một cơ hội tốt để chúng ta tiếp cận KH-CN tiên tiến của thế giới. Tuy nhiên đi cùng với các dòng chảy của KH-CN luôn có những cái bẫy giả công nghệ hoặc công nghệ lỗi thời. Vì thế, trong khi lựa chọn, chúng ta cần phải xây dựng hệ thống tiêu chuẩn dựa trên nguyên tắc cân đối ba yếu tố:

- Trong chính sách đối ngoại là cân đối lợi ích quốc gia.
- Trong đối nội là cân đối giữa môi trường, sức khoẻ người dân với lợi ích do công nghệ mang lại
- Cân đối lợi ích quốc phòng.

Sự cân đối các lợi ích là đòi hỏi bắt buộc đối với tất cả các dự án KH-CN, đồng thời là nội dung căn bản của các quyết định quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Riêng về lĩnh vực chuyển giao công nghệ, có một số vấn đề đáng lưu ý như sau:

Chuyển giao công nghệ là một quá trình khá phức tạp, đòi hỏi chúng ta phải có những nghiên cứu thấu đáo để đưa ra những tiêu chuẩn quản lý phù hợp. Chuyển giao công nghệ là một nhu

cầu, nhưng nhu cầu ấy phải được xem là một quá trình trả tiền và các nhà quản lý buộc phải cân nhắc nó như những thương gia thực sự chứ không phải chỉ cần nhắc như một quan chức nhà nước. Chuyển giao công nghệ tức là chúng ta phải học để vận hành tốt hệ thống công nghệ hay hệ thống dây chuyền, hệ thống máy công nghiệp định mua. Có những quá trình mua bán công nghệ thông thường mà người Việt Nam tự làm thì quá trình ấy buộc phải thực hiện. Cũng có quá trình làm chung với người nước ngoài rồi sau đó chúng ta phải học để sử dụng thành thạo nó. Với tư cách là một nước nghèo chúng ta buộc phải làm một cách tích cực, thông minh, làm một cách có trách nhiệm. Cái đó đòi hỏi phải có những cán bộ có tinh thần trách nhiệm, có một năng lực chuyên môn hay một nền tảng kiến thức phù hợp mới có thể tiếp nhận công nghệ được.

Tôi xin nêu thí dụ. Có rất nhiều hãng ô tô nước ngoài đã từng có mặt ở Việt Nam, nhưng chúng ta không có những bộ phận sản xuất công nghiệp phụ trợ. Có lẽ, khi bị cuốn vào dòng chủ của việc buôn bán đối tượng mà chúng ta muốn, chúng ta đã quên mất việc học hỏi để có nền công nghiệp của mình. Khi chúng ta chế tạo được tất cả các phụ tùng thì họ - những nhà sản xuất ô tô - lệ thuộc vào chúng ta. Chúng ta không nghĩ trước điều ấy, chúng ta cũng chưa thực sự muốn điều ấy. Cái khó là ở chỗ chúng ta chưa thông suốt hay chưa tự giác để có thể tạo ra một sự học hỏi trên quy mô xã hội. Công ty của chúng tôi đã từng tổ chức những khóa dạy về chuyển giao công nghệ đầu tiên trên lãnh thổ chúng ta, từ năm 1987. Vào thời ấy chúng tôi thấy người Việt Nam đi học, đi nghe một cách đầy cảm hứng, còn bây giờ hình như không còn như thế nữa.

- Một vấn đề nữa là vai trò của các tổ chức tư vấn và dịch vụ chuyên nghiệp trong chuyển giao công nghệ. Thứ nhất, bao giờ các

công ty tư vấn hay những nhà tư vấn cũng là nhân chứng cho sự trao đổi mua bán một cách khá minh bạch và trong sạch. Thứ hai, nó thể hiện trạng thái chuyên nghiệp. Mua bán trong một thị trường phức tạp như hiện nay có rất nhiều rủi ro, chỉ một sự tư lợi hoặc cảm tình nào đó là có thể dẫn người chủ dự án, chủ doanh nghiệp hay nhà quản lý đến quyết định không chính xác. Nếu có sự tham gia của các tổ chức tư vấn thì các rủi ro có thể được giảm thiểu. Người ta không dễ mua các tổ chức tư vấn, nhất là các tổ chức tư vấn có lịch sử, bởi danh dự và uy tín là cái vốn cơ bản của các tổ chức này. Chức năng của các tổ chức tư vấn là làm cho quá trình mua bán, chuyển giao công nghệ không bỏ sót qui trình, không tiềm ẩn rủi ro pháp lý, phù hợp không chỉ với pháp luật Việt Nam mà cả với các tiêu chuẩn quốc tế, luật pháp quốc tế.

Kết luận

Phát triển KH-CN trong nền kinh tế chính là nội dung căn bản của việc xây dựng một nền kinh tế tri thức. Trong bối cảnh các nền kinh tế thế giới đã có tỉ lệ tri thức cao như hiện nay, chúng ta không thể đứng ngoài xu hướng này. Tuy nhiên nếu không quan niệm một cách đầy đủ về kinh tế tri thức thì chúng ta sẽ gặp phải một rủi ro là các yếu tố tri thức sẽ bắt nạt, lừa đảo hệ thống nhà nước, làm biến dạng các chính sách vĩ mô. Nền kinh tế tri thức không chỉ là nền kinh tế của các sáng tạo KH-CN vĩ đại, mà còn là nền kinh tế mà mọi trí khôn được huy động để vượt qua tất cả các ràng buộc, các kiểm soát của chính phủ. Sự không đủ năng lực để quản lý một nền kinh tế tri thức là nhược điểm lớn nhất và là nguyên nhân của những cuộc khủng hoảng kinh tế vừa qua của thế giới. Cho nên song song với việc phát triển kinh tế tri thức, chúng ta cũng phải xây dựng một hệ thống nhà nước có đủ tri thức quản lý sao cho yếu tố tri thức được sử dụng hiệu quả và chặt chẽ. Hiệu

quả là thu được những lợi ích thực tế trước mắt cho nền kinh tế, còn chặt chẽ là để tránh được sự lộng hành của nó gây ra những bất ổn cho tương lai./.